

TU TƯỞNG TRIẾT HỌC TRẦN NHÂN TÔNG

PHẠM ĐÌNH KHUÊ*

Tóm tắt: Tư tưởng triết học của Trần Nhân Tông là sự kết tinh giữa tinh thần Thiên tông Phật giáo và bản sắc văn hóa dân tộc, nhấn mạnh vai trò của đạo đức, nội tâm và trách nhiệm xã hội. Bài viết phân tích các nội dung cốt lõi trong hệ tư tưởng này và làm rõ giá trị định hướng đối với công cuộc xây dựng con người Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới. Từ đó, khẳng định ý nghĩa của tư tưởng Trần Nhân Tông trong việc hình thành mẫu hình con người có đạo lý, bản lĩnh và khát vọng cống hiến.

Từ khóa: Trần Nhân Tông; tư tưởng triết học; nhập thế; phát triển con người; kỷ nguyên vươn mình.

Abstract: The philosophy of Trần Nhân Tông presents a unique fusion of Vietnamese Zen Buddhism and national cultural values, placing great emphasis on ethics, inner awareness, and civic duty. This paper examines the foundational elements of his ideological framework and demonstrates how it offers meaningful direction for building human character in contemporary Vietnam. It argues that Trần Nhân Tông's thought continues to provide vital inspiration for shaping individuals who are morally grounded, resilient, and deeply committed to contributing to the common good in an era marked by national ambition and renewal.

Keywords: Trần Nhân Tông; Vietnamese philosophy; moral cultivation, civic responsibility; human values in modern times.

Ngày nhận bài: 10/12/2024; Ngày sửa bài: 10/01/2025; Ngày duyệt đăng bài: 15/4/2025.

1. Đặt vấn đề

Con người là trung tâm của mọi quá trình phát triển. Trong tiến trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thật sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”¹. Bước vào thế kỷ XXI, đặc biệt trong Văn kiện Đại hội XIII, Đảng đã xác định rõ bước chuyển chiến lược từ “phát triển” sang “phát triển

nhANH và bền vững”, nhấn mạnh yêu cầu “khơi dậy khát vọng vươn lên, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam” như một nhân tố cốt lõi để đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình mạnh mẽ về mọi phương diện. Trong bối cảnh đó, xây dựng con người Việt Nam hiện đại - có bản lĩnh, đạo đức, trí tuệ, ý thức trách nhiệm và tinh thần dân tộc - trở thành nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu.

Bên cạnh các yếu tố thể chế, khoa học - công nghệ hay kinh tế - xã hội, nội lực tinh thần từ truyền thống tư tưởng, văn hóa dân

* TS., Trường Đại học Kiến Trúc Hà Nội; Email: khuemd@hau.edu.vn

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, H., Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr.116.

tộc là nền tảng sâu xa, bền vững góp phần hình thành mẫu hình con người mới. Trong kho tàng triết lý dân tộc, tư tưởng của Trần Nhân Tông - vị vua, nhà tu hành, nhà tư tưởng tiêu biểu thế kỷ XIII - là một di sản đặc biệt. Với triết lý “cư trần lạc đạo”, tư tưởng “vô ngã”, tinh thần “vị tha”, “thuận theo lẽ đạo để hóa dân”, Trần Nhân Tông không chỉ để lại dấu ấn trong lịch sử chính trị, tôn giáo mà còn khơi mở một hệ hình nhân sinh nhập thế, dung hòa giữa lý tưởng giải thoát và trách nhiệm cộng đồng. Đó là tư tưởng đề cao sự tu dưỡng nội tâm, sống thiện lành, phụng sự xã hội - rất phù hợp với yêu cầu xây dựng mẫu hình con người thời kỳ mới: vừa phát triển toàn diện, vừa giữ gìn cốt cách văn hóa Việt.

Với mục tiêu làm rõ các giá trị triết học cốt lõi của Trần Nhân Tông và những gợi mở từ tư tưởng ấy đối với công cuộc xây dựng con người Việt Nam hiện nay, bài viết này góp phần kết nối truyền thống tư tưởng dân tộc với yêu cầu phát triển con người trong thời đại hội nhập, chuyển đổi số và toàn cầu hóa - khi đất nước đang đứng trước cơ hội lớn để vươn mình mạnh mẽ.

2. Nội dung tư tưởng triết học của Trần Nhân Tông

Tư tưởng triết học của Trần Nhân Tông là sự tổng hòa giữa thế giới quan Phật giáo, nhân sinh quan nhân đạo và tinh thần nhập thế tích cực, thể hiện rõ trong các tác phẩm và hành trạng của ông. Nội dung cốt lõi của

hệ tư tưởng này có thể chia thành ba điểm lớn: (1) Quan niệm về bản thể và Phật tính nơi con người; (2) Quan niệm nhân sinh và đạo lý làm người; (3) Quan niệm về vai trò, giá trị và trách nhiệm xã hội của con người.

2.1. Quan niệm về bản thể và Phật tính nơi con người

Trong hệ thống tư tưởng triết học của Trần Nhân Tông, vấn đề bản thể và Phật tính chiếm vị trí trung tâm, là nền tảng lý luận xuyên suốt cho quan điểm về con người, đạo lý sống và con đường giải thoát. Ông kế thừa và phát triển tư tưởng Thiền học Đại thừa, đặc biệt từ các thiên phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và trực tiếp từ Trần Thái Tông, Tuệ Trung Thượng sĩ, để hình thành nên một quan điểm triết học mang đậm bản sắc dân tộc. Bản thể luận của ông được thể hiện thông qua các phạm trù như: “thể”, “diệu thể”, “diệu bản”, “tâm”, “tâm thể”, “chân tâm”, “chân thân”, “chân tính”, “pháp tính”, “chân như”, “như như”, “Phật tính” và “bản”, đều nhằm chỉ một bản nguyên tối hậu, vĩnh hằng, vô sinh vô diệt, tồn tại trong mỗi con người. Phật không ở đâu xa mà ở ngay trong tâm ta. Muốn thành Phật thì phải gột rửa, tu dưỡng cái tâm, gột rửa những bụi trần của tham, sân, si để cho Phật tính sáng trong vốn có được hiển lộ “*Trong núi vốn không có Phật, Phật ở ngay trong lòng. Lòng lặng mà hiểu, đó chính là chân Phật*”².

Tư tưởng đó được ông biểu đạt bằng

² Sdd, *Thơ văn Lý - Trần*, tr.28.

những ngôn từ dung dị, giàu chất thơ nhưng đầy triết lý. Trong *Cư trần lạc đạo phú*, ông viết: “Vây mới hay! Bụt ở cong nhà; Chẳng phải tìm xa. Nhân khuây bản nên ta tìm bụt; Đến cốc hay chử bụt là ta”³. Ông cho rằng, “nếu con người biết quay về bản tâm mình thì sẽ đến được bến bờ của sự giác ngộ”⁴. Bản thể ở đây không còn là cái gì siêu hình hay xa lạ, mà chính là “Phật tính”, là chân tâm - thứ luôn tồn tại nơi mỗi người. Đó là cách diễn đạt cụ thể tư tưởng “tức tâm tức Phật” của Thiên tông, có sức phá chấp mạnh mẽ, loại bỏ mọi quyền uy giáo điều, phủ định tính cứu rỗi từ bên ngoài để xác lập năng lực tự giác ngộ nơi mỗi cá nhân.

Tư tưởng này là sự kế thừa trực tiếp từ Tuệ Trung Thượng sĩ, người từng dạy rằng: “Phật, Phật, Phật không thể thấy được. Tâm, Tâm, Tâm không thể nói được. Khi Tâm sinh thì Phật sinh. Khi Tâm diệt thì Phật diệt... Tâm tức Phật, Phật tức Tâm, Diệu chỉ linh minh đạt cổ cam”⁵. Trần Nhân Tông tiếp nối và phát triển thêm bằng lời dạy trong tác phẩm: “Ngộ tự tâm thị Phật, cố danh liễu đạt chân như. Ngộ tự tâm thị pháp, cố danh nhất tự pháp môn”⁶, thể hiện rõ quan điểm: nhận ra bản tâm chính là nhận ra Phật, chính là thấu đạt chân như và mở cánh cửa duy nhất để nhập đạo.

Ông cũng viết: “Ai ai cũng có đủ bản tính, người người đều được viên thành”⁷, cho thấy niềm tin tuyệt đối vào khả năng giác ngộ phổ quát của tất cả chúng sinh - một quan điểm mang đậm tinh thần dân chủ và nhân văn sâu sắc trong tư tưởng Phật giáo Đại thừa. Tư tưởng này cũng là sự tiếp nối từ Trần Thái Tông - vị vua đầu triều Trần từng khẳng định: “Chúng sinh bản lai giác tính thanh tịnh viên minh, trạm nhiên thái hư, nhất trần bất lập” và từ Tuệ Trung với lời dạy: “Bồ đề giác tính ai nấy viên thành, Bát nhã thiện căn người người đều đủ”.

Trần Nhân Tông còn sử dụng hình ảnh “tính gương” để mô tả bản thể con người. Ông viết: “Nhận biết lầu lầu lòng vốn, chẳng ngại bề thời tiết nhân duyên; Chùi cho vạc vạc tính gương, nào có nhuộm căn trần huyên não”⁸.

Hình ảnh “tính gương” ở đây tượng trưng cho tâm trong sáng, phản chiếu vạn pháp nhưng không bị dính bụi trần. Bản tính ấy luôn có sẵn trong mỗi con người, nhưng bị vọng tưởng và vô minh che lấp. Vì vậy, con đường giác ngộ là hành trình quay về nội tâm, “hồi quang phản chiếu”, tìm lại chính mình.

Quan niệm về bản thể và Phật tính của Trần Nhân Tông không chỉ là nền tảng siêu

³ Sđd, *Thơ văn Lý - Trần*, tr.506.

⁴ Sđd, *Thơ văn Lý - Trần*, tr.505.

⁵ Sđd, *Thơ văn Lý - Trần*, tr.272.

⁶ Sđd, *Thơ văn Lý - Trần*, tr.518.

⁷ Trần triều đặt tôn Phật điển lục (1943), Tổng hội Phật giáo Bắc kỳ, Hà Nội, tr.38.

⁸ Sđd, *Thơ văn Lý - Trần*, tr.507.

hình cho triết học Phật giáo, mà còn mở ra một hệ thống đạo lý sống: đề cao tự do tinh thần, khả năng tự tu dưỡng và niềm tin sâu sắc vào bản thiện và tiềm năng của con người. Chính từ niềm tin đó, ông xây dựng nên một con đường “cư trần lạc đạo”, gắn tu hành với nhập thế và hướng triết học đến thực tiễn đời sống, chứ không chỉ dừng lại ở lý luận trừu tượng. Như vậy, nội dung bản thể luận và Phật tính trong tư tưởng Trần Nhân Tông là bước khởi đầu cho toàn bộ hệ thống triết học mang giá trị giải phóng và phát triển con người - một di sản tinh thần sâu sắc cần được tiếp tục nghiên cứu, phát huy trong bối cảnh hiện nay.

2.2. Quan niệm nhân sinh và đạo lý làm người

Trong hệ thống tư tưởng triết học của Trần Nhân Tông, nhân sinh quan giữ vị trí trung tâm và có vai trò định hướng trong toàn bộ quá trình thực hành triết lý Phật giáo nhập thế. Khác với khuynh hướng thoát tục thường thấy ở nhiều tông phái Phật giáo, nhân sinh quan của Trần Nhân Tông là sự kết tinh hài hòa giữa tinh thần từ bi, vị tha của Phật giáo, yếu tố “hành đạo giữa đời” của Thiên tông và quan niệm thực tiễn về đạo lý làm người của Nho giáo. Như nhận định trong tài liệu: “Toàn bộ dòng tư tưởng triết học của Nhân Tông được bắt đầu từ tâm và kết thúc cũng ở tâm tĩnh lặng, hư không”.

Tư tưởng nhân sinh của ông khởi đi từ nhận thức về tính chất vô thường, giả tạm và phi thực thể của cuộc đời. Con người sinh ra đã mang sẵn nghiệp thân và chính thân xác ấy là nguồn gốc của vô số khổ đau. Trong bài *Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca*, ông viết: “Sinh có nhân thân, Ấy là họa cả. Ai hay cóc đước, Mối ốc là đã”⁹. Từ nhận thức đó, Trần Nhân Tông không đi đến phủ nhận cuộc sống mà hướng tới một triết lý sống tỉnh thức: vượt lên khỏi sự bám chấp vào hình tướng, tham cầu, để từ đó sống hài hòa với đời, an nhiên trong từng hành vi, cảm xúc. Quan niệm này thể hiện đậm nét trong *Cư trần lạc đạo phú*, nơi ông kêu gọi người tu hành sống giữa đời mà vẫn giữ tâm đạo: “Rèn lòng làm bọt, chĩnh xá tua một sức giồi mài; Đãi cát kén vàng, còn lại phải nhiều phen lựa lọc”¹⁰. “Tham ái nguồn dưng, chẳng còn nhớ châu yêu ngọc quý; Thị phi tiếng lạng, được dầu nghe yển thốt oanh ngâm”¹¹. Đây là một triết lý hành đạo được hình thành từ kinh nghiệm sống, từ tinh thần nhập thế sâu sắc của một vị vua - thiên sư, đã kinh qua cả chiến tranh, hòa bình, và thời kỳ thịnh trị. Trong khi những nhà tư tưởng khác thường phân tách đạo và đời thì Trần Nhân Tông hòa nhập chúng thành một chỉnh thể thống nhất. Ông xem “mọi hoạt động xã hội như hoạt động quân sự, chính trị, tôn giáo đều là sự hành thiên cả”. Đây là bước phát triển quan trọng của tư tưởng Phật giáo Việt Nam, vừa giữ vững

⁹ Sdd, *Thơ văn Lý - Trần*, tr.532.

¹⁰ Sdd, *Thơ văn Lý - Trần*, tr.508.

¹¹ Sdd, *Thơ văn Lý - Trần*, tr.505.

cốt lõi giải thoát, vừa thích ứng và phục vụ cho đời sống xã hội.

Đặc biệt, đạo lý làm người trong tư tưởng của Trần Nhân Tông còn gắn chặt với tinh thần trách nhiệm cộng đồng và lý tưởng nhập thế hành đạo. Với ông, giác ngộ không chỉ là vấn đề cá nhân mà phải đi liền với sự phụng sự nhân sinh. Chính vì vậy, sau khi xuất gia, ông không ẩn dật mà đi khắp các vùng miền như Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương, Nam Định, Quảng Bình... để giáo hóa dân chúng, truyền bá “Mười điều thiện” (“Thập thiện”) và trực tiếp thuyết pháp tại các chùa lớn.

Về mặt phương pháp tu dưỡng, Trần Nhân Tông đề cao sự thực hành nội tâm và thanh lọc bản ngã. Trong *Cư trần lạc đạo phú*, ông viết: “Chùi cho vạc vạc tính gương, nào có nhuộm căn trần huyên nao. Vàng chưa hết quặng, xá tua chín phen đúc chín phen rèn; Lộc chẳng còn tham, miễn được một thì chay một thì cháo. Sạch giới lòng, chùi giới tướng, nội ngoại nên bồ-tát trang nghiêm”¹². Ở đây, ông sử dụng hình ảnh “tính gương” để ví bản tâm trong sáng; như chiếc gương chưa bụi thì tự soi sáng muôn loài. Để đạt được trạng thái đó, người tu hành phải không ngừng rèn luyện đạo đức và trí tuệ, “chín phen đúc, chín phen rèn”, bỏ dần tham - sân - si. Đây không chỉ là lý thuyết mà còn là con đường thực hành để con người đạt đến sự tự tại, bình an giữa đời sống.

Quan niệm nhân sinh và đạo lý làm người của Trần Nhân Tông không chỉ giới hạn trong khuôn khổ triết học tôn giáo mà còn góp phần quan trọng hình thành nên đạo lý truyền thống của dân tộc Việt Nam: sống chân thực, thiện lương, cống hiến và vị tha. Đó là một triết lý mang giá trị vượt thời gian, có thể vận dụng vào cả giáo dục đạo đức cá nhân và xây dựng đời sống văn hóa - xã hội hiện đại.

2.3. Quan niệm về vai trò, giá trị và trách nhiệm xã hội của con người

Trong tư tưởng triết học Trần Nhân Tông, con người được đặt vào vị trí trung tâm của mọi suy tư và hành động, không chỉ như một cá thể tâm linh cần giải thoát mà còn là một chủ thể có trách nhiệm xã hội sâu sắc. Trần Nhân Tông nhấn mạnh vai trò của con người trong cuộc sống bằng một lập luận giản dị nhưng đầy tính nhân văn: “Sống mà không giúp ích gì cho đời là điều đáng hổ thẹn của kẻ trượng phu (Sinh vô bổ thể trượng phu tầm)”¹³.

Không dừng lại ở tuyên ngôn triết lý, ông đề cao tinh thần nhập thế tích cực, cho rằng sự tu hành chân chính không thể tách rời khỏi đời sống xã hội mà phải “gắn liền lợi ích của bản thân với lợi ích của toàn dân tộc”. Đó là cách Trần Nhân Tông biến trách nhiệm cá nhân thành sứ mệnh cộng đồng. Ông dạy rằng, nếu con người không quay về với “gốc” của mình, không nhận thức

¹² Sđd, *Thơ văn Lý - Trần*, tr.507.

¹³ Sđd, *Thơ văn Lý - Trần*, tr.477.

đúng bản chất thiện lương vốn có thì sẽ dễ lạc lối. Như ông viết: “Biết chân như, tin bát nhã, chớ còn tìm Phật Tổ Tây Đông”¹⁴, ta tâm là nơi xuất phát, nơi ẩn chứa Phật tính mà mọi người không biết nên họ chạy Đông, chạy Tây tìm Bụt... Điều này cũng giống như con hươu khát nước chạy trên bãi sa mạc, tự mình nhọc công mà chẳng tìm ra nguồn nước thực.

Trách nhiệm xã hội trong tư tưởng Trần Nhân Tông là sự kết hợp hài hòa giữa lý tưởng Phật giáo và đạo đức hành động Nho giáo. Ông chủ trương “không kêu gọi xa lánh cuộc đời, không tu hành ép xác khổ hạnh mà luôn đề cao đức nhân nghĩa, tính thiện và cái tâm từ bi hỷ xả, cứu dân, giúp nước”. Ở đây, trách nhiệm xã hội không phải là bổn phận bị áp đặt, mà là sự tự nguyện nhập thế với tâm từ bi, với tinh thần “phụng sự chúng sinh tức cúng dường chư Phật”.

Từ thực tiễn cuộc đời - một bậc quân vương rời bỏ ngai vàng để sống đời tu hành, Trần Nhân Tông đã minh chứng một cách sống động về lý tưởng phụng sự xã hội: không chỉ bằng lời dạy mà bằng chính hành động cứu dân, giúp nước, xây dựng “một chế độ chính trị thân dân, khoan thư sức dân”. Từ đó, có thể khẳng định: trong tư tưởng triết học Trần Nhân Tông con người không chỉ có giá trị vì mang Phật tính nội tại mà còn vì mang trong mình sứ mệnh cao cả đối với cộng đồng, với xã hội

và dân tộc. Chính tinh thần ấy đã làm nên một triết lý sống “hành đạo trong đời” đầy sâu sắc và hiện đại.

3. Giá trị định hướng của tư tưởng Trần Nhân Tông trong xây dựng con người Việt Nam hiện nay

Trong tiến trình phát triển đất nước hiện nay, Đảng và Nhà nước ta xác định rõ: con người là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới và phát triển. Bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình mạnh mẽ của dân tộc - yêu cầu đặt ra là phải xây dựng được một thế hệ công dân Việt Nam vừa có phẩm chất đạo đức vững vàng, vừa có bản lĩnh, trí tuệ, và khả năng thích ứng cao trước những biến đổi không ngừng của thời đại. Trong bối cảnh đó, tư tưởng triết học của Trần Nhân Tông - một tinh hoa của văn hóa và tư tưởng Việt Nam - mang lại nhiều giá trị định hướng sâu sắc cho việc hình thành và phát triển con người Việt Nam toàn diện.

3.1. Định hướng về tu dưỡng đạo đức và bản lĩnh nội tâm

Tư tưởng Trần Nhân Tông đề cao sự tu dưỡng từ nội tâm, coi đó là nền tảng cốt lõi để xây dựng đạo đức và nhân cách. Việc tu thân, thanh lọc tâm thức, rèn luyện để vượt qua tham, sân, si không đơn thuần là giáo lý Phật giáo, mà còn là phương pháp để con người tự giải phóng khỏi những ảnh hưởng tiêu cực của vật chất và dục

¹⁴ Sdd, *Thơ văn Lý - Trần*, tr.506.

vọng, từ đó sống hài hòa với bản thân và cộng đồng.

Triết lý “Phật tại tâm” mà Trần Nhân Tông nhấn mạnh, chính là lời khẳng định mạnh mẽ về tiềm năng hoàn thiện trong mỗi con người. Việc tìm kiếm chân lý không nằm ở bên ngoài mà ở chính sự thức tỉnh nội tâm, sự tu dưỡng thường xuyên trong từng suy nghĩ, lời nói và hành vi. Đây chính là nền tảng lý luận cho việc giáo dục đạo đức ở Việt Nam hiện đại - hướng đến sự hình thành nhân cách từ gốc rễ, nuôi dưỡng bản lĩnh sống tử tế, bản lĩnh vượt khó, biết tự soi mình để điều chỉnh, biết sống chính trực và nhân hậu.

Trong bối cảnh hiện nay, khi xã hội đổi mới với nhiều biểu hiện lệch chuẩn đạo đức, nhất là trong giới trẻ, thì việc khơi dậy tinh thần tu dưỡng nội tâm không chỉ cần thiết mà còn mang ý nghĩa chiến lược. Đó là nền tảng để xây dựng con người Việt Nam có chiều sâu văn hóa và tính bền vững về giá trị.

3.2. Định hướng về trách nhiệm xã hội và tinh thần nhập thế

Một điểm đặc sắc trong tư tưởng Trần Nhân Tông là quan niệm về sự gắn bó mật thiết giữa tu thân và phụng sự xã hội. Con người không chỉ sống cho riêng mình, mà phải sống vì người khác, sống vì cộng đồng. Việc tu hành, theo ông, không phải là lánh đời mà là để rèn luyện ý chí và đạo đức nhằm đóng góp tốt hơn cho cuộc đời.

Tinh thần nhập thế này mang ý nghĩa đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi Việt Nam bước vào kỷ nguyên hội nhập, phát triển kinh tế tri thức và chuyển đổi số. Để thích ứng và đi xa, đất nước cần những con người có tinh thần trách nhiệm cao, có khả năng dẫn thân, cống hiến cho lợi ích cộng đồng. Giáo dục hiện nay cần lấy tinh thần đó làm định hướng: nuôi dưỡng trách nhiệm công dân, tình yêu tổ quốc, lòng biết ơn cộng đồng và ý thức hành động thiết thực vì sự tiến bộ chung.

Từ triết lý của Trần Nhân Tông, có thể rút ra bài học rằng: mỗi cá nhân chỉ thực sự phát triển trọn vẹn khi kết nối bản thân với vận mệnh dân tộc, khi coi trách nhiệm xã hội không phải là bổn phận bị áp đặt mà là lẽ sống tự nguyện.

3.3. Định hướng phát triển con người tự chủ, sáng tạo, thích ứng

Trong thời đại biến đổi nhanh chóng như hiện nay, năng lực tự chủ và khả năng thích ứng trở thành yêu cầu thiết yếu của con người hiện đại. Tư tưởng Trần Nhân Tông với tinh thần “tự lực”, “tự giác”, “tự rèn luyện” chính là nền tảng tư tưởng để hình thành những phẩm chất đó.

Quan điểm “giải thoát là do chính mình”, “không cầu bên ngoài”, phản ánh triết lý phát triển con người từ nội tại. Trong giáo dục hiện nay, điều này có thể chuyển hóa thành triết lý đào tạo những con người biết làm chủ hành vi, biết định hướng học tập suốt đời, có khả năng phản biện và tư duy

độc lập, không bị lệ thuộc vào môi trường mà có thể chủ động làm mới mình.

Đặc biệt, trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tư tưởng này góp phần xây dựng mô hình con người sáng tạo - không ngừng đổi mới tư duy, phát triển kỹ năng và sẵn sàng thích nghi với môi trường làm việc linh hoạt, biến động.

3.4. Định hướng xây dựng đạo lý cộng đồng và văn hóa nhân bản

Bên cạnh việc tu thân và phụng sự xã hội, Trần Nhân Tông còn đặc biệt nhấn mạnh đến yếu tố cộng đồng, tinh thần đoàn kết và lòng yêu thương con người. Tư tưởng “thương dân”, “khoan thư sức dân” không chỉ là triết lý chính trị mà còn là giá trị đạo đức sâu sắc. Con người lý tưởng trong tư tưởng ông là người sống chan hòa với người khác, có lòng vị tha, biết chia sẻ, không gây tổn thương cho cộng đồng.

Đạo lý ấy, khi được chuyển hóa vào công cuộc xây dựng con người hiện nay sẽ là nền tảng để tái thiết mối quan hệ xã hội trên cơ sở yêu thương, bao dung và trách nhiệm. Trong một thế giới mà các giá trị cộng đồng đang có nguy cơ bị rạn nứt bởi chủ nghĩa cá nhân cực đoan và áp lực cạnh tranh, tư tưởng Trần Nhân Tông là lời nhắc nhở mạnh mẽ về tính nhân văn và sự hòa hợp xã hội.

Giáo dục con người hiện đại không thể chỉ là đào tạo kỹ năng, mà cần nuôi dưỡng một hệ giá trị sống tử tế - biết tôn trọng,

biết yêu thương và biết sống hài hòa trong cộng đồng. Đây là chiều sâu của phát triển con người toàn diện.

4. Kết luận

Tư tưởng triết học Trần Nhân Tông là một hệ giá trị toàn diện, kết hợp giữa chiều sâu triết lý phương Đông với tinh thần nhập thế và bản sắc văn hóa Việt Nam. Trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình, những định hướng về tu dưỡng đạo đức, trách nhiệm xã hội, tinh thần tự chủ và nhân văn cộng đồng từ tư tưởng của ông vẫn còn nguyên giá trị. Việc vận dụng những giá trị này trong công cuộc xây dựng con người Việt Nam hiện đại không chỉ góp phần phát triển nhân cách cá nhân mà còn định hướng hình thành một thế hệ công dân vừa có chiều sâu văn hóa, vừa có năng lực thích ứng, sáng tạo và phụng sự cộng đồng - đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước trong thời đại mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, H., Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
2. Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2, quyển thượng, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Trần triều dật tôn Phật điển lục (1943), Tổng hội Phật giáo Bắc kỳ, Hà Nội.